

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TML21B1** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH01074** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Giáo dục thể chất**
Số tín chỉ: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTML0045	Phạm Đình Chí	06/07/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
2	21BTML0046	Trần Văn Cua	26/03/2005				8	8				9.0		8.6
3	21BTML0047	Nguyễn Tấn Cường	20/07/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
4	21BTML0048	Võ Lê Hải Đăng	15/11/2006				7	8				8.0		7.9
5	21BTML0049	Trần Hiếu Đông	04/01/2006				6	7				7.0		6.9
6	21BTML0050	Mu Ha Mách FawZan	24/04/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
7	21BTML0051	Cái Thế Anh Hào	27/11/2006				7	10				6.0		7.2
8	21BTML0052	Quách Gia Hào	01/04/2006				8	9				8.0		8.3
9	21BTML0053	Phạm Phúc Hậu	31/10/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
10	21BTML0054	Trần Phạm Khánh Hùng	01/09/2005				7	7				0.0		2.8
11	21BTML0055	Lâm Nhựt Huy	06/04/2006				7	5				6.0		5.9
12	21BTML0056	Trương Hoảng Khinh	16/06/2006				7	9				8.0		8.1
13	21BTML0057	Phạm Nguyễn Tuấn Khoa	22/12/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
14	21BTML0058	Nguyễn Đăng Khôi	22/08/2006				5	5				6.0		5.6
15	21BTML0059	Nguyễn Văn Đình Khôi	27/06/2005				7	8				8.0		7.9
16	21BTML0060	Lê Tuấn Kiệt	02/01/2006				7	8				7.0		7.3
17	21BTML0061	Phạm Quốc Kiệt	30/03/2005				8	6				0.0		2.7
18	21BTML0062	Phan Tuấn Kiệt	27/11/2006				7	6				6.0		6.1
19	21BTML0063	Đỗ Nguyễn Thành Kính	13/10/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
20	21BTML0064	Nguyễn Quang Liêm	16/08/2005				0	0				0.0	0.0	0.0
21	21BTML0065	Thiều Thị Mỹ Liên	11/10/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
22	21BTML0066	Cù Quốc Vũ Luân	05/03/2004				5	5				6.0		5.6
23	21BTML0331	Nguyễn Tấn An	17/11/2005				0	0				0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 5 tháng 7 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Phúc Lâm